TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Qúy Đông
Ông Nguyễn Văn Thực
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST- HNGĐ ngày 19/4/2019 về việc tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 03/7/2019 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 20/2019/TB-HNGĐ ngày 18/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N** – sinh năm 1979
Nơi cư trú: Thôn 03, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q** – sinh năm 1983
Nơi ĐKHKTT: Khu 13, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Thôn 03, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Chị và bị đơn là anh Nguyễn Văn Q tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2006. Khi đó, do giấy tờ chưa đầy đủ nên anh chị không đăng ký kết hôn được. Đến năm 2014 chị và anh Q đi đăng ký tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng ở xã N được một tháng thì chuyển về xã C sinh sống từ đó đến nay. Ngay từ khi mới cưới, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Q không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, rượu chè về sinh sự, đánh chửi chị rất nhiều lần. Vì thương con nên chị chịu đựng suốt một thời gian dài. Vợ chồng đã không ngủ cùng giường vài tháng nay, không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị không còn tình cảm với anh Q nữa, mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về phía bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trong quá trình giải quyết xác nhận về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị N trình bày là đúng. Anh cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra va chạm, anh có đánh chửi chị Nga nhưng không nhiều như chị Nga trình bày. Việc mâu thuẫn vợ chồng anh hàng xóm đều biết. Vợ chồng vẫn chung sống cùng một nhà. Đến nay, anh vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Minh H – sinh ngày 29/01/2007 và Nguyễn Thanh T – sinh ngày 10/8/2014. Hiện hai cháu đang ở cùng với vợ chồng. Ly hôn chị N xin được nuôi hai con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Còn anh Q không đồng ý ly hôn nên không đồng ý giải quyết về con chung của vợ chồng.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết chị N và anh Q xác nhận có vay nợ chung và đều yêu cầu chia đôi các khoản nợ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu chị N, anh Q phải trả cho họ số tiền mà anh, chị đã vay. Đến ngày 29/5/2019 chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ chung nữa. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đồng ý không yêu cầu giải quyết về vay nợ và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Minh H - sinh ngày 29/01/2007 và Nguyễn Thanh T - sinh ngày 10/8/2014. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Bùi Thị N cư trú tại xã C, huyện Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn Q ở xã N, huyện Đ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn Q đăng ký hộ khẩu tại khu 01, xã N, huyện Đ nhưng từ khi cưới chị N đến nay thì anh Q về ở thôn 03, xã C, huyện Đ. Tòa án đã tống đạt các thông báo, quyết định cho anh Q theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn Q tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2006. Đến năm 2014 thì chị N, anh Q có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Minh H - sinh ngày 29/01/2007 và Nguyễn Thanh T - sinh ngày 10/8/2014. Ly hôn chị N xin được nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Còn về phía anh Q, anh không đồng ý ly hôn nên không đồng ý giải quyết về con chung. Tòa án đã yêu cầu anh Q cung cấp tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con nhưng anh Q không cung cấp tài liệu gì.Trong quá trình giải quyết tại Tòa án và qua xác minh ở chính quyền địa phương cho thấy: Chị N là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu T. Anh Q không có trách nhiệm gì với các con. Bên cạnh đó, nguyện vọng của cháu H là xin được ở với mẹ. Xét thấy, chị N có đủ điều kiện và mức thu nhập để nuôi hai con. Do đó, việc giao hai con cho chị N sẽ đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu tốt hơn. Chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[2.4] Về vay nợ chung: Chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về vay nợ chung. Anh Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều nhất trí và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn Q.

2.Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Minh H - sinh ngày 29/01/2007 và Nguyễn Thanh T - sinh ngày 10/8/2014. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2017/0003146 ngày 16/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã C (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Viết Anh